

Số: /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội quy định về phí và lệ phí; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Công văn số 87/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân về việc xây dựng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh; xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 99/TTr-STP ngày 16 tháng 4 năm 2026 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 99/2022/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 18/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện quy định của Luật Phí và lệ phí và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Nghị quyết về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Đồng thời, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Quyết định số 570/QĐ-BTP ngày 06/02/2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp thì hiện nay cấp tỉnh có **05** thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm gồm: **(1)** Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; **(2)** Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; **(3)** Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; **(4)** Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; **(5)** Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất. Mức thu phí đối với các thủ tục này do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (*theo quy định tại số thứ tự XII.8 Phần A Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí năm 2015*).

Hiện nay, thực hiện chủ trương tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (*cấp tỉnh, cấp xã*) và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh nên một số nội dung quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum (cũ) và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) không còn phù hợp với thực tiễn tại địa

phương. Đồng thời, để triển khai thực hiện Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp và tạo sự thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện mới sau sáp nhập nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác đăng ký biện pháp bảo đảm.

Vì vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết và đảm bảo phù hợp về thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm bảo đảm thực hiện thống nhất, đầy đủ các quy định của Luật Phí và lệ phí; phù hợp với chủ trương, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giống cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 87/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Thường trực HĐND tỉnh về thống nhất chủ trương đăng ký xây dựng Nghị quyết, Chủ tịch UBND tỉnh đã có Công văn số 2661/UBND-NC ngày 01/4/2026 chỉ đạo giao nhiệm vụ cho Sở Tư pháp chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo.

Sở Tư pháp đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi¹ và gửi Sở Tài chính thẩm định dự thảo Đề án. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính² về Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài

¹ Công văn số 894/STP-HC&BTTP ngày 10/4/2026 và Công văn số 3692/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 13/4/2026.

² Công văn số 2894/STC-HCSN ngày 15/4/2026 của Sở Tài chính.

sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Sở Tư pháp đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Đề án và xây dựng dự thảo hồ sơ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và đã gửi lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương³. Đồng thời, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng góp ý kiến theo quy định. Hết thời hạn lấy ý kiến, Sở Tư pháp đã nhận được 40 văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi đến; trong đó, các ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương đều cơ bản thống nhất với nội dung của hồ sơ dự thảo Nghị quyết và có 02 ý kiến⁴ tham gia góp ý. Sở Tư pháp đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết, thực hiện việc thẩm định nội dung dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết, tham mưu UBND tỉnh trình trình Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều, trong đó: Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; Điều 2 quy định về Đối tượng, trường hợp miễn phí; Điều 3 quy định về Mức thu phí; Điều 4 quy định Chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí; Điều 5 quy định Tổ chức thực hiện; Điều 6 quy định điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người nộp phí: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Tổ chức thu phí: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi; các Chi

³ Gửi các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Công an tỉnh, Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực 15, Ngân hàng Nhà nước khu vực 9, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Lý Sơn (Công văn số 737/STP-HC&BTTP ngày 27/3/2026)

⁴ Sở Tài Chính và UBND phường Cẩm Thành.

nhánh trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

Điều 2. Đối tượng, trường hợp miễn phí

1. Người thuộc hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đăng ký biện pháp bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng theo chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được miễn nộp phí đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 116/2018/NĐ-CP và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP.

3. Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm do lỗi của người thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên của Chấp hành viên theo quy định của pháp luật thi hành án.

5. Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên.

6. Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

Điều 3. Mức thu phí

1. Mức thu phí áp dụng đối với hình thức nộp hồ sơ trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính

TT	Nội dung	Mức thu
1.	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm	
a)	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	80.000 đồng/hồ sơ
b)	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	60.000 đồng/hồ sơ
c)	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000 đồng/hồ sơ
d)	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo	20.000 đồng/hồ sơ

	đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	
đ)	Cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký biện pháp bảo đảm	25.000 đồng/trường hợp
e)	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất	80.000 đồng/hồ sơ
2.	Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	30.000 đồng/hồ sơ

2. Mức thu phí đăng ký biện pháp bảo đảm và phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất khi thực hiện các thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định mức thu phí **không đồng** trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng phí

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ): Không.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA/BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết: dự kiến nguồn thu cơ bản đảm bảo chi cho việc thực hiện (*cụ thể tại Đề án và Bản thuyết minh dự toán thu chi từ nguồn phí đăng ký biện pháp bảo đảm và phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất kèm theo*).

2. Dự kiến thời gian thông qua/ban hành: Tại Kỳ họp tháng 04 năm 2026.

VII. HỒ SƠ TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Hồ sơ trình gồm:

(1) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

(2) Báo cáo Tổng kết việc thi hành các Nghị quyết Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ) và tỉnh Quảng Ngãi (cũ) (*Báo cáo số 144/BC-STP ngày 09/4/2025*);

(3) Đề án Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền

sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*Đề án số 01/ĐA-STP ngày 16/4/2026*);

(4) Bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

(5) Bảng thuyết minh dự toán thu chi từ nguồn phí đăng ký biện pháp bảo đảm và phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

(6) Báo cáo số 158/BC-STP ngày 16/4/2026 của Sở Tư pháp kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm; phí cung cấp thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

(7) Các tài liệu liên quan.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC_{PTTT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Hoàng